

Bản án số: 25/2024/HC-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2024
“*V/v khiếu kiện hành vi hành chính,
quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm,
Bà Bùi Thị Hào.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Nguyễn Thái Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 24/2023/HCST ngày 03/10/2023 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HC ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HC ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh A giữa các đương sự:

Người khởi kiện: ông Lê Văn H (tên gọi khác Lê Văn T), sinh năm 1974,
Địa chỉ: đội 8, xã C, thành phố V, tỉnh A.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N,

Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh A.

2. Ủy ban nhân dân xã C, thành phố V, tỉnh A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức B,

Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố V, tỉnh A.

3. Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L,

Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp.

Địa chỉ: số 332 đường Nguyễn Tất Thành, xã T, thành phố V, tỉnh A.

(Ông H có mặt; những người bị kiện đều vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Lê Văn H (Lê Văn T) trình bày:

Từ năm 2002, ông H có nhận chuyển nhượng đất từ 16 hộ gia đình tại thôn Cẩm Đội, xã C, thành phố V với tổng diện tích 424,5m², có chữ ký xác nhận của trưởng khu hành chính, tổ trưởng tổ sản xuất. Ngày 30/11/2004 được sự thỏa thuận đồng ý của gia đình ông H, Ủy ban nhân dân xã C tạm thời lấy 46m² đất nằm trong tổng số 424,5m² đất cấp cho Công ty Bảo Phương cắm tái định cư cho hộ dân khác. Hiện nay còn 378,5m² đất kèm giấy biên nhận lập ngày 30/11/2004 (có đại diện Ủy ban nhân dân xã C, đại diện Công ty Bảo Phương và bố ông H (ông C) ký xác nhận). Từ khi có dự án khu công nghiệp C giai đoạn I và II, đất nhà ông thuộc trong vùng quy hoạch theo Quyết định số 2554 ngày 13/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh A. Tuy nhiên, do Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp trong quá trình thực hiện dự án đã tự ý thu hồi đất của gia đình ông, không có Giấy mời, không có Quyết định thu hồi đất, lập biên bản làm việc xong giấu đi không gửi lại cho gia đình biết. Đến nay gia đình ông chưa được cấp đất ở, chưa nhận tiền đền bù theo đúng Biên bản làm việc ngày 10/1/2004. Từ năm 2020 đến nay, gia đình ông đã rất nhiều lần gửi đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân thành phố V, Trung tâm phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V: ông H đề nghị Tòa án tuyên hủy 02 văn bản số: 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 và văn bản số: 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân. Ông H yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải trả lời lại bằng văn bản theo đúng đơn đề nghị mà ông đã gửi tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã C làm thủ tục cấp đất tái định cư cho gia đình ông theo đúng Biên bản làm việc ngày 10/1/2004. Vì:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trả lời ông bằng công văn số 3051 ngày 25/11/2022, ông H cho rằng các nội dung trả lời trong công văn không đúng với tất cả các nội dung mà gia đình ông đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố trả lời. Đồng thời chưa cung cấp danh sách từng hộ bị thu hồi đất, trong đó có gia đình ông theo biên bản ngày 10 tháng 1 năm 2004 do đội trưởng đội sản xuất thôn Cẩm Đội, xã C lập kê khai xác định số hộ, số diện tích bị thu hồi, Ủy ban nhân dân xã C ký xác nhận trình hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án, tính toán bồi thường cho các hộ.

Trong công văn số 1711 đề ngày 12/7/2023 có nội dung Ủy ban nhân dân thành phố V đã photo danh sách ký nhận tiền và gửi gia đình, thì bản photo đó có dòng Lê Văn C cột chủ hộ đã nhận tiền nhưng chữ ký không đúng (Gia đình xác nhận thời gian đó ông C đang ốm nặng nằm tại nhà không đi được), dấu hiệu chữ ký là giả mạo, không những là ảnh chụp góc rồi scan mờ đen lại có sự chỉnh sửa. Trong bảng tổng hợp chi trả tiền bồi thường các hộ dân có đất màu đồi, ruộng quỹ II theo định suất chỉ có đóng dấu treo, không có người lập biểu, người duyệt biểu, thủ trưởng đơn vị ký tên và đóng dấu, do đó văn bản không có tính chính xác và tính pháp lý. Trong các biểu thì không có hộ gia đình ông Nguyễn Văn Biển - người liên quan trong biên bản làm việc ngày

10/1/2004. Trong khi gia đình ông H đã nhận được công văn số 198/TTKCN-ĐTHT ngày 15/9/2020 của Trung tâm phát triển hạ tầng & dịch vụ khu công nghiệp C đã trả lời: gia đình hộ ông Lê Văn C, hộ ông Lê Văn T không có trong danh sách 71 hộ thuộc thôn Cẩm Đội, xã C, thành phố V được bồi thường tại 03 Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh A phê duyệt kinh phí bồi thường. Nhưng trong công văn số: 3051/UBND- TNMT ngày 25/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V lại ghi: *“Như vậy, hộ ông Lê Văn C (bố ông Lê Văn T) có đất bị thu hồi thực hiện Khu tái định cư khu công nghiệp C giai đoạn II, thuộc dự án Khu công nghiệp C giai đoạn II(100,09 ha) đã được bồi thường theo qui định”* Trích nguyên văn.

Trong công văn số 1711/UBND-TNMT có trích dẫn Thông báo số 29/TB-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành về việc chấm dứt thụ lý, giải quyết tố cáo liên quan đến việc thu hồi, kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư dự án xây dựng khu công nghiệp C, thành phố V các giai đoạn I, II (Theo gia đình ông H tìm hiểu trên trang cổng thông tin điện tử tỉnh A năm 2013 không có thông báo nào số 29) mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố dựa vào đó để không tiếp nhận và trả lời gia đình ông về các nội dung thông báo nói trên. Mặt khác thông báo số 29/TB- UBND ngày 28/03/2013 thông báo về việc chấm dứt thụ lý giải quyết tố cáo của ông Đinh Văn Hồng, ông Lê Văn Sơn cùng một số gia đình liên quan đến vụ kiện cáo của ông P, ông S. Ông H khẳng định vấn đề liên quan đến đất đai của ông H, không liên quan đến vụ kiện cáo của ông P, ông S và một số gia đình khác (gia đình ông H không nằm trong danh sách các nhân chứng tố cáo trong vụ việc của ông P, ông S). Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V áp thông báo số 29/TB-UBND ngày 28/03/2013 này là quy chụp và lấy lý do này không giải quyết những yêu cầu trong đơn của ông H đã gửi là không đúng với đơn đề nghị của gia đình ông.

- Đối với Ủy ban nhân dân xã C: ông H đề nghị Tòa án yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C làm thủ tục cấp đất tái định cư cho gia đình ông theo Biên bản làm việc ngày 10/01/2004. Vì: việc thu hồi đất của gia đình do Ủy ban nhân dân xã C cùng với Trung tâm phát triển hạ tầng & dịch vụ khu công nghiệp C thực hiện theo Quyết định 2554/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành. Do thực hiện không đúng quy định của Nhà nước vì khi cấp có thẩm quyền thu hồi đất của người dân, gia đình ông không có giấy mời họp, không có Quyết định thu hồi đất ... tự ý làm xong Ủy ban nhân dân xã C giấu Biên bản làm việc ngày 10/1/2004, không gửi lại cho gia đình ông H biên bản. Hơn 10 năm sau gia đình ông mới được ông Lê Đình Hồng - nguyên trưởng thôn Cẩm Đội gửi cho gia đình biên bản làm việc ngày 10/1/2004 photo đen trắng. Gia đình yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C cùng cấp lại cho gia đình biên bản làm việc ngày 10/1/2004 sao y bản chính và đã được ông Chủ tịch xã C - Trần Quang Chương nguyên Chủ tịch xã ký xác nhận ngày 13/10/2021. Từ biên bản này, gia đình ông H mới có cơ sở để đề nghị Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân thành phố V. Đến nay các cấp vẫn đùn đẩy vẫn không giải quyết cho gia đình ông. Gia đình ông đã gửi đơn nhiều lần từ năm 2020 đến nay nhưng Ủy ban nhân dân xã C vẫn chưa giải quyết dứt điểm, giải quyết lòng vòng và dồn trách nhiệm giải quyết cho Trung tâm phát triển hạ tầng & dịch vụ khu công nghiệp C thực hiện và cứ thế lại đùn đẩy trách nhiệm cho nhau và đẩy lên Ủy ban nhân dân thành phố. Ủy ban nhân dân xã C còn yêu cầu

gia đình xác minh 16 hộ gia đình chuyển nhượng, bản trích đo địa chính thửa đất theo quy định theo Luật Đất đai năm 2013 (Đo vẽ diện tích thực tế) của hộ gia đình..., yêu cầu gia đình ông đến Ban quản lý khu công nghiệp, Trung tâm quỹ đất thành phố xác minh đo đạc diện tích đất, gây quá nhiều bức xúc cho gia đình ông...đến nay Ủy ban nhân dân xã C cũng chưa giải quyết dứt điểm cho ông H.

- Đối với Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp: ông H đề nghị Tòa án yêu cầu Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng khu công nghiệp C cho gia đình ông. Vì trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp cùng với Ủy ban nhân dân xã C đã thu hồi đất của gia đình ông, đến nay gia đình ông chưa nhận tiền đền bù. Dự án khu công nghiệp C do Ủy ban nhân dân tỉnh A làm chủ đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh trực tiếp thực hiện, hồ sơ liên quan đến việc thu hồi, bồi thường và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án khu công nghiệp C do Trung tâm phát triển hạ tầng & dịch vụ khu công nghiệp lưu trữ. Trong quá trình cùng với Ủy ban nhân dân xã C giải quyết chưa cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng khu công nghiệp và chưa phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã giải quyết dứt điểm cho gia đình ông H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì - ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Đối với nội dung đơn đề nghị trong đơn của ông Lê Văn H (tên gọi khác Lê Văn T). Đề nghị xem lại việc thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông thực hiện dự án Khu công nghiệp Thụy Vân mở rộng năm 2004 và Khu tái định cư giai đoạn II năm 2005 (cung cấp thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất. trích đo địa chính và biên lai chi trả tiền đền bù đối với diện tích 346,0m²). Về việc này, ngày 12/7/2004 Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 2121/QĐ-UB về phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu tái định cư khu công nghiệp C (giai đoạn 2), xã C, thành phố V với tổng diện tích quy hoạch 25.071,69 m².

Ngày 13/8/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 2554/QĐ-UB về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã C (giai đoạn 2), xã C, thành phố V với tổng diện tích thu hồi là 25.071,69m. Hiện nay, khu tái định cư xã C giai đoạn II theo Quyết định số 2554/QĐ-UB ngày 13/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh A đã được đầu tư xây dựng hạ tầng để giao đất tái định cư cho các hộ dân.

Về trình tự thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu Tái định cư giai đoạn II khu Công nghiệp C tại thời điểm năm 2004: Căn cứ Quy hoạch chi tiết và dự án được duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất (tổng thể) và giao cho chủ đầu tư để thực hiện các bước tiếp theo. Sau khi có Quyết định thu hồi đất tổng thể của dự án, đối với diện tích đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới thu hồi đất, Đội trưởng đội sản xuất lập danh sách kê khai để xác định số hộ, số diện tích đất mỗi hộ bị thu hồi, Ủy ban nhân dân xã C ký xác nhận trình Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án tính toán bồi thường cho các hộ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi có Quyết định duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (có danh sách các hộ kèm theo). Chủ dự án thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ theo quy định.

- Thông báo thu hồi đất tổng thể (không có thông báo thu hồi đất chi tiết đến hộ).
- Quyết định thu hồi đất tổng thể: Quyết định số 2554/QĐ-UB ngày 13/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh (không có Quyết định thu hồi đất đến từng hộ);
- Bản vẽ thu hồi và giao đất tổng thể kèm theo Quyết định số 2554/QĐ-UB ngày 13/8/2004 (không có trích đo địa chính thu hồi đất đến từng thửa).

Qua kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất là do ông Lê Văn C (bố ông H) mua diện tích đất nông nghiệp (quỹ 1) của các hộ dân (phần đất này các hộ được chia theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ), ông H chỉ là một thành viên trong gia đình ông C. Theo sổ mục kê đất, vị trí đất thuộc tờ bản đồ số 15, 16, các thửa đất được gom lại thành một thửa lớn và chia lại diện tích đất nông nghiệp cho các hộ theo khẩu, không có hình thửa trên bản đồ (bản đồ địa chính chính lý thể hiện là một thửa đất).

Theo biên bản làm việc ngày 10/01/2004 thể hiện nội dung liên quan đến tồn tại của dự án Khu công nghiệp giai đoạn II (100,09 ha) tại khu quy hoạch xây dựng Khu tái định cư xã C của 03 hộ ông Lê Đình Hồng, hộ ông Lê Văn C và hộ ông Nguyễn Sóng B với tổng diện tích thu hồi 03 hộ là 906,0m trong đó có 374,0m đất nằm trong phạm vi cấp đất tái định cư ở ô số 01 cho ông Đình Văn Diễm và ô số 02 cho hộ ông Trần Văn Khoa. 03 hộ ông P, ông C, ông T thống nhất nhận tiền bồi thường và tiền hỗ trợ của đơn vị thi công với diện tích 374,0 m x 8.600đ/m.

Rà soát Bảng kê chi tiết kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Thụy Vân giai đoạn II (100,09 ha) có hộ ông Lê Văn C bị thu hồi đất và đã được Chủ dự án chi trả tiền bồi thường theo quy định với số tiền 674.700 đồng. Như vậy, hộ ông Lê Văn C (bố ông Lê Văn H) có đất bị thu hồi thực hiện Khu tái định cư khu công nghiệp Thụy Vân giai đoạn II, thuộc dự án Khu công nghiệp Thụy Vân giai đoạn II (100,09ha) đã được bồi thường theo quy định. Mặt khác, ngày 28/3/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh A đã ban hành Thông báo số 29/TB-UBND về việc chấm dứt thụ lý, giải quyết tố cáo liên quan đến việc thu hồi, kiểm kê, bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư dự án Xây dựng Khu công nghiệp C, thành phố V các giai đoạn I, II, III. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố không tiếp nhận và trả lời ông Lê Văn T về các nội dung theo Thông báo nói trên.

Đối với nội dung khởi kiện của ông Lê Văn H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã Thụy Vân - ông Trần Đức An trình bày:

Năm 2002, tỉnh A triển khai dự án Khu công nghiệp C, trong đó đã thực hiện chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ đối với các hộ có đất bị thu hồi thuộc phạm vi dự án. Đến năm 2004, Ủy ban nhân dân xã C phối hợp với Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ Khu công nghiệp) tổ chức buổi làm việc với 03 hộ: Lê Đình Hồng, Lê Văn C (bố đẻ ông Lê Văn T), Nguyễn Sóng B để giải quyết tồn tại, vướng mắc của dự án, cụ thể: Tổng diện tích của 03 hộ là 906m², trong đó:

1. Hộ ông Lê Đình T (440m),
2. Hộ ông Lê Văn C (346m),

3. Hộ ông Nguyễn Sóng B (120m²).

Sau khi làm việc: 03 hộ đã thống nhất nhận tiền bồi thường và hỗ trợ của đơn vị thi công với diện tích 374m. Phần diện tích còn lại các hộ xin cấp đất ở. Năm 2021, ông Lê Văn H có gửi đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân xã C với nội dung: đề nghị các cơ quan chức năng liên quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình theo quy định của Nhà nước với phần diện tích 424,5m. Sau khi xem xét nội dung đơn của ông H, ngày 12/07/2021, 04/10/2021 Ủy ban nhân dân xã C tổ chức buổi làm việc với hộ ông H và các đơn vị, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã C để giải quyết đơn của ông H và xác định rõ phần diện tích ông đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Kiểm tra, xác minh tại thực địa, ông H cũng không xác định được ranh giới, mốc giới thửa đất của gia đình. Để có cơ sở giải quyết đơn theo quy định, ngày 18/05/2022 Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Công văn số 56/CV-UBND với nội dung: "*Đề nghị ông Lê Văn T liên hệ với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V) để được hướng dẫn trích đo địa chính theo quy định*". Tuy nhiên đến nay ông Lê Văn T chưa cung cấp được Bản trích đo địa chính thửa đất theo mẫu của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất của gia đình.

Ủy ban nhân dân xã C rà soát, kiểm tra hồ sơ địa chính hiện (sổ địa chính, sổ mục kê) đang lưu trữ tại xã thì thấy các hộ được giao đất nông nghiệp để canh tác theo Nghị định 64 của Chính phủ, trong đó có các hộ:

1. Hộ ông Lê Đình Khoa có thửa đất số 5-22, 40-42 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-71, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án.

2. Hộ ông Lê Đình Thục có thửa đất số 40-144 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-110, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án.

3. Hộ ông Lê Quang Quyết có thửa đất số 40-113 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-24, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án.

4. Hộ ông Lê Hữu Bảo có thửa đất số 40-118 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-1, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án.

5. Hộ ông Lê Minh Phúc có thửa đất số 40-133 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-3, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án.

6. Hộ bà Lê Thị Viễn có thửa đất số 5-40 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-105, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án.

7. Hộ ông Lê Quang Trung có thửa đất số 5-31 tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 5-40, tờ bản đồ số 15 thuộc phạm vi thu hồi của dự án. khác). (Kèm theo bản trích sao từ sổ địa chính của các hộ và các giấy tờ liên quan.

Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp- ông Nguyễn Văn Thương trình bày:

Thực hiện Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc thu hồi và giao đất cho Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp thuê 50 năm để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp C giai đoạn 2. Công ty phát triển

hạ tầng Khu công nghiệp (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp) được giao làm chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp C đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân thành phố V, Ủy ban nhân dân xã C thực hiện công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng 100,09ha tại địa bàn xã C để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp C giai đoạn 2. Hộ ông Lê Văn C (bố ông Lê Văn T) khu Cẩm Đội, xã C có diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện quy trình thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng tại quyết định số 720/QĐ-UB ngày 17/3/2003 và quyết định số 328/QĐ-UB ngày 29/01/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh A (sao gửi 2 quyết định kèm theo). Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp đã thực hiện chi trả kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ ông Lê Văn C theo các Quyết định duyệt dự toán kinh phí bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh A. Trung tâm đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được do người khởi kiện và người bị kiện đều đề nghị Tòa án không tiến hành đối thoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015, Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H (tức Lê Văn T) đối với yêu cầu hủy văn bản hành chính số 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 và số 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Đình chỉ yêu cầu Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển hạ tầng & dịch vụ khu công nghiệp căn cứ vào biên bản làm việc ngày 10/01/2004 (đã hết thời hiệu) để cấp cho gia đình ông H 01 ô tái định cư.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H (tức T) vì không yêu cầu khởi kiện đối với hành vi hành chính: Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C căn cứ Biên bản làm việc ngày 10/01/2004 để làm thủ tục cấp đất cho gia đình ông và yêu cầu Trung tâm phát triển hạ tầng & dịch vụ khu công nghiệp C cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng khu công nghiệp C và có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C giải quyết dứt điểm.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Về chi phí giám định: ông H phải chịu chi phí giám định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A; lời trình bày của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: ông Lê Văn H khởi kiện hủy 02 quyết định hành chính số 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 và văn bản số: 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân và khởi kiện các hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp. Căn cứ Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện:

+ Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V: ngày 15/8/2023 ông H khởi kiện hủy 02 văn bản số 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 về việc giải quyết đơn của công dân và văn bản số: 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 về việc trả lời đơn của công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện.

+ Đối với các hành vi hành chính bị kiện của Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp: xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc các yêu cầu khởi kiện của ông đối với Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp vẫn đang còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đã hết thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nội dung này.

- Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc hủy 02 văn bản số 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 về việc giải quyết đơn của công dân và văn bản số: 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 về việc trả lời đơn của công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Hai văn bản số 3051 và 1711 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đều trả lời đơn của ông H về nội dung mà ông đề nghị tại đơn đề nghị ngày 07/7/2022 và ngày 19/9/2022, cụ thể là ông H yêu cầu được cung cấp các loại giấy tờ, tài liệu: Thông báo thu hồi đất đối với diện tích 346m²; Quyết định thu hồi đất đối với diện tích 346m², Bản

trích đo địa chính đối với diện tích 346m², Biên lai chi trả tiền đền bù đối với diện tích 346m².

Tại văn bản số 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 đã thể hiện Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành ra 02 Quyết định số 2121/QĐ-UB ngày 12/7/2004 về phê duyệt quy hoạch chi tiết khu tái định cư khu công nghiệp C (giai đoạn 2), xã C, thành phố V với tổng diện tích quy hoạch 25,071,69m² và Quyết định số 2554/QĐ- UB ngày 13/8/2004 về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã C (giai đoạn 2), xã C, thành phố V với tổng diện tích thu hồi là 25.071,69m².

Về trình tự thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu Tái định cư giai đoạn II khu Công nghiệp C tại thời điểm năm 2004: Căn cứ Quy hoạch chi tiết và dự án được duyệt Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất tổng thể (không có quyết định thu hồi đất chi tiết từng hộ dân). Thông báo thu hồi đất tổng thể (không có thông báo thu hồi đất chi tiết từng hộ dân). Bản vẽ thu hồi và giao đất tổng thể kèm theo Quyết định số 2554/QĐ- UB ngày 13/8/2004 (không có trích đo địa chính thu hồi đất đến từng thửa).

Đối với văn bản số 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trả lời đơn của công dân Lê Văn T: do đã được trả lời đơn trong văn bản số 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu hủy 02 văn bản trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V là không có cơ sở được chấp nhận.

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông H về hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V: tại các biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2024, ngày 13/6/2024 và tại phiên tòa ông Lê Văn H trình bày xin rút yêu cầu khởi kiện đối với các hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Do đó, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với yêu cầu khởi kiện này của ông H.

Tại phiên tòa ông Lê Văn H cũng trình bày xin rút yêu cầu khởi kiện đối với các hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí giám định: ông Lê Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 361 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn H về việc tuyên hủy 02 văn bản số: 3051/UBND-TNMT ngày 25/11/2022 về việc giải quyết đơn của công dân và văn bản số: 1711/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 về việc trả lời đơn của công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

[2] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải trả lời lại bằng văn bản theo đúng đơn đề nghị mà ông đã gửi tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã C làm thủ tục cấp đất tái định cư cho gia đình ông theo đúng Biên bản làm việc ngày 10/1/2004.

[3] Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện do đã hết thời hiệu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C làm thủ tục cấp đất tái định cư cho gia đình ông H theo Biên bản làm việc ngày 10/01/2004.

- Yêu cầu Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng khu công nghiệp C cho gia đình ông H.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí giám định:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận ông Lê Văn H (Lê Văn T) đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2020/0000619 ngày 03/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

- Về chi phí giám định: ông Lê Văn H phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận ông Lê Văn H đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Anh

